

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/TLST – HN&GD, ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1987

ĐKHKTT: Xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, T.X Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1988

ĐKHKTT: Thôn 8, Tể Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thủy N, trú tại: xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và anh Nguyễn Văn V, trú tại: thôn 8, Tể Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy N và anh Nguyễn Văn V xác định tình cảm không còn, đều nhất trí thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thủy N và anh Nguyễn Văn V xác định không có con chung.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Thủy N và anh Nguyễn Văn V xác định vợ chồng có đầu tư chung 01 quầy thuốc (thuê địa điểm kinh doanh) hộ kinh doanh mang tên chị Phạm Bình M, anh chị thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

Chị Nguyễn Thị Thủy N được toàn quyền kinh doanh quầy thuốc và mặt bằng tự thuê đăng ký kinh doanh mang tên chủ hộ đăng ký kinh doanh: Phạm Bình M (theo giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh số: 01J8014600 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2018), chị N có nghĩa vụ trích trả giá trị chênh lệch (Tiền đầu tư thiết bị kinh doanh thuốc T) cho anh Nguyễn Văn V số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Thời gian trích trả được thực hiện làm 02 đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: trả 25.000.000đ vào ngày 30/7/2018 (dương lịch);

+ Đợt 2: trả 25.000.000đ vào ngày 30/9/2018 (dương lịch).

Anh Nguyễn Văn V được sở hữu số tiền do chị N trích trả giá trị chênh lệch (Tiền đầu tư kinh doanh thuốc Tây) là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền trích chia giá trị chênh lệch tài sản: Chị N và anh V thỏa thuận không yêu cầu mức lãi suất chậm trả nếu khoản tiền chưa được thi hành.

Biện pháp bảo đảm thi hành án: Chị N và anh V thỏa thuận: Nếu hết hạn mỗi kỳ thanh toán mà chị N chưa thanh toán được số tiền mà kỳ hạn đó chị N có nghĩa vụ phải trả thì anh V có quyền yêu cầu thi hành án buộc chị N phải trả toàn bộ số tiền phải thanh toán mà không cần đợi đến kỳ hạn thanh toán tiếp theo.

2.4. *Về khoản nợ chung, cho vay chung*: Chị Nguyễn Thị Thủy N và anh Nguyễn Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí*:

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh V thỏa thuận chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ;

Về án phí trích trả chênh lệch tài sản: Chị N và anh V thỏa thuận mỗi người chịu 50% án phí phần tài sản trích chia cho anh V được hưởng được xác định như sau: $(50.000.000đ \times 5\%) : 2 = 1.250.000đ$, chị N thỏa thuận chịu $\frac{1}{2}$ án phí = 625.000đ; Tổng cộng chị N phải nộp 775.000đ cho 2 khoản án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên theo biên lai thu số 0008520 ngày 02/4/2018, chị N còn phải nộp tiếp 475.000đ.

Anh V thỏa thuận chịu 625.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần được trích chia tài sản, được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là

1.250.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên theo biên lai thu số 0008565 ngày 02/5/2018, anh V được trả lại 625.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Phúc Thuận;
- UBND xã Đình Xuyên, H.Gia Lâm, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà